

Số: 281 /BC-SNN

Trà Vinh, ngày 28 tháng 3 năm 2017

## BÁO CÁO

Sơ kết công tác tháng 3, quý I và  
kế hoạch công tác tháng 4, quý II năm 2017

### Phần thứ nhất

## KẾT QUẢ CÔNG TÁC THÁNG 3, QUÍ I

### I. TÌNH HÌNH CHUNG

Tình hình sản xuất nông nghiệp, thủy sản trong tháng và quý I năm 2017 của tỉnh gặp một số khó khăn: Mưa trái mùa gây đổ ngã trên trà lúa Thu Đông giai đoạn chín làm giảm năng suất, một số loại cây ăn trái bị thất mùa, gây thiệt hại rau màu và hoa cảnh phục vụ tết Nguyên đán, xuống giống lúa Đông Xuân kéo dài có khả năng thiếu nước và ảnh hưởng đến thời gian xuống giống vụ Hè Thu; thời tiết không ổn định làm ảnh hưởng đến sự phát triển của tôm nuôi và cũng là điều kiện thuận lợi để phát sinh các loại bệnh trong chăn nuôi; giá cả một số mặt hàng nông sản như cá lóc, cá tra, heo hơi, gà thả vườn ở mức thấp hơn giá thành sản xuất làm ảnh hưởng đến thu nhập của người dân. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên sản xuất nông nghiệp đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

### II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC THÁNG 3, QUÍ I

#### 1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của ngành

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản quý I/2017 ước đạt 7.273 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010) đạt 29,18% kế hoạch, giảm 7,04% so với quý I năm 2016, trong đó:

- Nông nghiệp: 6.095 tỷ đồng, đạt 35% KH, giảm 10% so cùng kỳ.
- Thủy sản: 1.116 tỷ đồng, đạt 15,2% kế hoạch, tăng 10,3% so cùng kỳ.
- Lâm nghiệp: 62 tỷ đồng tương đương so với cùng kỳ.

#### 2. Kết quả sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:

*a) Trồng trọt:* Diện tích gieo trồng cây hàng năm trong tháng đạt 7.213 ha, nâng tổng số đến nay gieo trồng được 147.188 ha, đạt 58,29% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 31.335 ha, cụ thể:

- Cây lúa: Toàn tỉnh đã gieo sạ được 125.475 ha, đạt 63,69% kế hoạch, giảm 31.053 ha so cùng kỳ (Thu Đông giảm 23.686 ha, Đông Xuân giảm 8.873 ha, riêng lúa Hè Thu xuống giống sớm hơn cùng kỳ 1.506 ha), sản lượng thu hoạch 453.905 tấn, đạt 39,59% kế hoạch, giảm 136.917 tấn so với cùng kỳ, cụ thể:

+ Vụ Thu Đông - Mùa: Trong tháng thu hoạch được 2.990 ha, nâng tổng diện tích thu hoạch dứt điểm 64.048 ha, đạt 99,9% diện tích xuống giống (mất trắng 5,3 ha do chuột cắn phá), năng suất trung bình 4,71 tấn/ha (thấp hơn cùng kỳ 0,58 tấn/ha), sản lượng 301.695 tấn, đạt 85,7% kế hoạch, giảm hơn 160.406 tấn so cùng kỳ.

+ Vụ Đông Xuân: Xuống giống dứt điểm 59.915 ha, vượt 8,9% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 8.873 ha); trong tháng thu hoạch được 20.481 ha, nâng tổng đến nay đã thu hoạch được 28.660 ha (cao hơn cùng kỳ 8.055 ha), năng suất trung bình 5,31 tấn/ha (thấp hơn cùng kỳ 0,93 tấn/ha), sản lượng 152.211 tấn, cao hơn 23.489 tấn so cùng kỳ.

+ Vụ Hè Thu: Xuống giống trà lúa sớm 1.506 ha trên địa bàn huyện Càng Long.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 5.707 ha, nâng tổng đến nay gieo trồng được 21.712 ha, đạt 39,1% kế hoạch, giảm 283 ha so cùng kỳ, trong đó: Màu lương thực 2.752 ha đạt 30,1% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 103 ha (Bắp 1.830 ha, khoai lang 485 ha, khoai mì 274 ha, cây có bột khác 163 ha); màu thực phẩm 11.945 ha đạt 39,8% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 746 ha (rau các loại 11.684 ha; đậu các loại 261 ha); cây công nghiệp ngắn ngày 7.016 ha đạt 42,9% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 1.994 ha (Đậu phộng 3.058 ha, mía đường 2.062 ha, lác 962 ha).

- Cây lâu năm: Cây ăn trái có 12.248 ha đang cho trái, sản lượng thu hoạch 85.162 tấn, giảm 11.007 tấn so cùng kỳ; cây dứa 20.635 ha, sản lượng 63.722 tấn, giảm 9.278 tấn so cùng kỳ.

#### **b) Chăn nuôi, thú y:**

- Trong quý I/2017 tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn do giá cả không ổn định và ở mức thấp, thị trường tiêu thụ bấp bênh, ước tính tổng đàn vật nuôi đạt được như sau: Đàn heo 330.000 con, đạt 83,5% KH (tăng 1.959 con so cùng kỳ); đàn trâu, bò 200.800 con, đạt 95,3% KH (tăng 22.405 con), đàn gia cầm 4,36 triệu con, đạt 96,8% KH (tăng 38 ngàn con), sản lượng thịt hơi các loại được 18.590 tấn (đạt 21,8% kế hoạch), trứng các loại đạt khoảng 30 triệu quả.

- Công tác phòng chống dịch bệnh: Bệnh lở mồm long móng (LMLM) gia súc phát sinh ở 3 xã (Hàm Tân, Kim Sơn và Ngãi Xuyên), huyện Trà Cú, tổng số gia súc bệnh 75 con (bò 68 con, heo 7 con) của 11 hộ nuôi, đến nay bệnh đã được khống chế; các loại dịch bệnh nguy hiểm khác như cúm gia cầm, heo tai xanh tiếp tục được kiểm soát.

- Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất - nhập tỉnh: Trong tháng đã kiểm dịch được 29.022 con heo, 1.171 con trâu, bò, 267.188 con gia cầm và 62 tấn sản phẩm động vật, nâng tổng số đến nay đã kiểm dịch được 70.870 con heo, 2.400 con trâu, bò, 600.170 con gia cầm và 172 tấn sản phẩm động vật.

- Công tác tiêm phòng: Trong tháng đã vận động hộ chăn nuôi tự tiêm phòng và tiêm phòng miễn phí vắc xin cúm gia cầm 535.775 con; vận động và tiêm phòng vắc xin LMLM gia súc dập dịch, vùng lân cận và các địa phương còn lại được 9.564 con gia súc; tiêm các loại vắc xin thường xuyên cho 66.980 con gia súc; đại chó, mèo 229 con và các loại vắc xin khác 69.502 con. Nâng tổng số từ

đầu năm đến nay tiêm phòng vắc xin cúm gia cầm 558.345 con; vắc xin LMLM gia súc 9.958 con; tiêm các loại vắc xin thường xuyên cho 172.030 con gia súc (Dịch tả 57.760 liều; tụ huyết trùng 56.980 liều; phó thương hàn 57.290 liều); đại chó, mèo 368 con và các loại vắc xin khác 127.543 con. Phun xịt tiêu độc khử trùng dập dịch LMLM gia súc ở Trà Cú được 704 hộ, với 21.120m<sup>2</sup>, sử dụng 60 lít hóa chất; cấp 2.550 lít hóa chất cho 5/9 huyện, thị xã, thành phố triển khai tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng đợt 1 năm 2017 (ưu tiên những địa bàn có vùng dịch cũ, vùng nguy cơ cao thực hiện phun xịt trước).

### **c) Lâm nghiệp:**

- Công tác lâm sinh: Triển khai trồng rừng phòng hộ tập trung được 50 ha rừng thuộc Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020, tiếp tục chuẩn bị vật tư, cây giống thực hiện trồng rừng năm 2017 theo kế hoạch; vận động hộ nhận trồng cây lâm nghiệp phân tán chăm sóc quản lý tốt cây trồng và trồng dặm để đảm bảo tỷ lệ sống theo quy định.

- Công tác kiểm lâm: Trong tháng tổ chức 70 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, không phát hiện trường hợp vi phạm; cấp 02 giấy phép gây nuôi động vật hoang dã (02 con nai, 08 con Hươu, 37 con Rắn Ráo Trâu) và 01 giấy phép xuất bán động vật hoang dã gồm 37 con Rắn Ráo Trâu. Nâng tổng số đến nay tổ chức được 216 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, đã phát hiện 02 trường hợp vi phạm xử lý đúng quy định pháp luật; cấp 02 giấy phép gây nuôi động vật hoang dã (02 con nai, 08 con Hươu, 37 con rắn Ráo Trâu) và 03 giấy phép xuất bán động vật hoang dã (52 con Cầy Hương, 37 con rắn Ráo Trâu); tuyên truyền, vận động các hộ dân sống ven rừng phi lao ký cam kết sử dụng lửa an toàn trên địa bàn huyện Duyên Hải và thị xã Duyên Hải được 82 hộ.

- Tình hình khai thác tận thu rừng: Do nấm bệnh và thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi tôm công nghiệp xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải ngành đã thực hiện khai thác tận thu 934 m<sup>3</sup> rừng (502 m<sup>3</sup> gỗ rừng Phi lao chết do nấm bệnh).

**d) Thủy sản:** Sản lượng thủy sản thu hoạch được trong tháng đạt 10.426 tấn. Nâng tổng sản lượng thu hoạch trong quý I là 30.095 tấn (đạt 17,73% kế hoạch), tăng 2.775 tấn so với cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng thủy sản: Trong tháng diện tích thả nuôi 7.479 ha, thu hoạch 5.860 tấn, nâng tổng diện tích thả nuôi quý I đạt 24.985 ha, đạt 58,1% kế hoạch, thu hoạch 14.059 tấn, đạt 13,88% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 2.290 tấn, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 659 triệu con giống (7.377 ha), thu hoạch 1.432 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi được 1,74 tỷ con giống (24.518 ha), gồm: Tôm sú 857 triệu con giống (13.014 ha), tôm thẻ chân trắng 850 triệu con giống (1.508 ha), cua biển 41 triệu con (9.911 ha). Thu hoạch 3.978 tấn, cao hơn cùng kỳ 1.991 tấn, gồm: Tôm sú 851 tấn, tôm chân trắng 2.134 tấn, cua biển 583 tấn, còn lại là các loại thủy sản khác.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi được 11,8 triệu con giống (102 ha), thu hoạch 4.429 tấn, nâng tổng số đến nay thả nuôi 46 triệu con giống với diện tích mặt nước là 466 ha (cá lóc 97 ha, tôm càng xanh 169 ha, còn lại chủ yếu là diện tích cá các

loại); thu hoạch 10.081 tấn (cao hơn cùng kỳ 299 tấn), gồm: Cá lóc 5.222 tấn, cá tra 1.125 tấn, tôm càng xanh 264 tấn, còn lại là các loại khác.

+ Thiên tai, bệnh thủy sản: Do thời tiết diễn biến khá phức tạp, mưa trái mùa, không khí lạnh kéo dài, nhiệt độ chênh lệch giữa ngày và đêm cao (4-6<sup>0</sup>C), độ mặn thấp hơn cùng kỳ từ 5-7 ‰ môi trường ao nuôi biến động, chất lượng tôm giống đầu vụ không đảm bảo, một số hộ nuôi cải tạo ao không đúng kỹ thuật quy định là những nguyên nhân làm tôm nuôi thiệt hại ở một số vùng nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh của tỉnh như: xã Hiệp Mỹ Đông, Mỹ Long Nam huyện Cầu Ngang; xã Long Toàn, Dân Thành huyện Duyên Hải và xã Long Hữu thị xã Duyên Hải tôm chết cục bộ ở giai đoạn 15 - 45 ngày tuổi, chủ yếu bệnh đốm trắng, hoại tử gan tụy làm thiệt hại 68 triệu con tôm sú giống (chiếm 37% nuôi thâm canh và bán thâm canh) diện tích 326 ha (chiếm 35% nuôi thâm canh và bán thâm canh); 164 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 19,3%) diện tích 295 ha (chiếm 19,4%).

+ Công tác phòng, chống dịch bệnh: Phân công cán bộ kỹ thuật xuống các địa phương để tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm và giám sát tình hình bệnh nhằm chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh. Kiểm dịch 271 triệu con tôm giống; kiểm tra cấp giấy chứng nhận hành nghề thú y 21 cơ sở kinh doanh thú y thủy sản; thẩm định 23 cơ sở buôn bán thuốc thú y thủy sản (cấp 19 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y, 04 cơ sở không đạt); thực hiện 31 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 28 mẫu giáp xác phân tích phục vụ nuôi thủy sản (03 mẫu nhiễm bệnh đốm trắng ở Long Toàn và Long Vĩnh đã thông báo cho người dân nắm và hạn chế lấy nước).

- Khai thác: Sản lượng khai thác đạt 4.566 tấn (758 tấn tôm), nâng tổng số đến nay sản lượng khai thác 16.037 tấn (3.131 tấn tôm), đạt 27,9% kế hoạch, tăng 486 tấn so cùng kỳ, gồm: Khai thác nội đồng được 2.725 tấn (612 tấn tôm), khai thác hải sản được 13.312 tấn (2.519 tấn tôm).

- Thu mua, chế biến: Trong tháng các doanh nghiệp thu mua 807 tấn thủy sản (tôm sú 68 tấn, tôm thẻ 285 tấn), chế biến 418 tấn, tiêu thụ 491 tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1,3 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 2.076 tấn thủy sản (tôm sú 149 tấn, tôm thẻ 756 tấn), chế biến 1.124 tấn, tiêu thụ 1.108 tấn, kim ngạch xuất khẩu 5,4 triệu USD.

**e) Diêm nghiệp:** Có 123 hộ sản xuất, diện tích 77 ha (giảm 40 hộ và 57,6 ha so cùng kỳ). Sản lượng thu hoạch trong tháng 543 tấn, hiện tại giá muối thấp nên diêm dân tạm trữ muối lại, tổng lượng muối tồn 2.098 tấn (gồm 1.555 tấn tồn từ năm 2016). Diện tích và số hộ sản xuất muối giảm do nguồn nước phục vụ sản xuất muối bị ô nhiễm vì ảnh hưởng khí thải của Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải làm chất lượng muối kém, giá muối thấp.

#### **f) Phát triển nông thôn**

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Tổ chức Hội nghị sơ kết Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2016 và triển khai kế hoạch thực hiện năm 2017; phát động phong trào “Trà Vinh cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020”; tham mưu ban hành Quy chế hoạt động của BCD các Chương trình MTQG và

phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh và phân công thành viên BCD tỉnh phụ trách địa bàn; tổ chức họp kiểm tra, rà soát tiêu chuẩn huyện đạt chuẩn NTM của huyện Tiểu Cần.

+ Công tác tuyên truyền: Tổ chức lồng ghép, tuyên truyền về các tiêu chí nông thôn mới được 208 cuộc với 6.993 lượt người tham dự. Các hình thức tuyên truyền chủ yếu là lồng ghép vào các cuộc họp và tập huấn để cho người dân nắm rõ các tiêu chuẩn hộ gia đình nông thôn mới, vận động người dân trồng cây xanh làm hàng rào, xây dựng cột cờ kết hợp với đèn chiếu sáng đảm bảo an ninh trật tự.

+ Trong tháng Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Châu Thành công nhận 3 ấp đạt chuẩn ấp nông thôn mới (Ấp Cồn Chim, Thông Lưu, xã Hòa Minh; ấp Ngãi Lợi, xã Hưng Mỹ), 690 hộ đạt chuẩn hộ nông thôn mới. Nâng tổng số đến nay toàn tỉnh có 682 ấp đạt chuẩn ấp nông thôn mới, chiếm 28,59% trong tổng số ấp; 136.788 hộ đạt chuẩn hộ nông thôn mới, chiếm 61,26% trên tổng số hộ phát động.

+ Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí về nông thôn mới: Đến nay có 23 xã đạt 19 tiêu chí; 13 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí; 49 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí.

- Ngành nghề nông thôn: Xây dựng đề cương và kế hoạch thu thập thông tin làm cơ sở lập Đề án phát triển ngành nghề nông thôn; tiếp tục hỗ trợ UBND 02 xã Nhị Trường và Tân Hòa hoàn chỉnh thủ tục công nhận 02 làng nghề.

- Chương trình bố trí dân cư: Phối hợp với UBND huyện Tiểu Cần và đơn vị giám sát, thi công khảo sát hiện trạng nhà của các hộ dân trong khu vực thi công và kiểm tra tiến độ thi công đoạn kè phía bờ phải với chiều dài 659 m. Phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh thương thảo hợp đồng ủy thác quản lý dự án, lập thủ tục ủy thác quản lý dự án trình Sở Xây dựng thẩm định, xây dựng dự thảo hồ sơ ủy thác quản lý dự án, hợp triển khai phương án thi công hạng mục đường giao thông liên ấp đối với Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng xã Long Hòa, huyện Châu Thành. Trình Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét xin điều chỉnh gia hạn thời gian thực hiện dự án Di dân sạt lở xã Đại Phước, huyện Càng Long (giai đoạn 2).

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn thầu Dự án mở rộng tuyến ống cấp nước trạm cấp nước xã Nhị Long, huyện Càng Long và Dự án nâng cấp Nhà máy nước sạch xã Đại Phước. Trong 03 tháng đầu năm đã lắp đặt cho 3.022 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đã cung cấp được cho 97.310 hộ.

### **3. Tình hình thực hiện tái cơ cấu:**

Theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế thị xã và thành phố tính đến nay toàn tỉnh có 1.509 ha chuyển đổi từ lúa kém hiệu quả sang trồng màu và trồng cỏ nuôi bò; trồng mới và cải tạo vườn tạp được 35 ha tập trung chủ yếu ở huyện Càng Long và Cầu Kè; Chăn nuôi nhờ tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh nên đàn vật nuôi vẫn phát triển ổn định trong điều kiện giá cả bất lợi cho người nuôi, chủ yếu là phát triển đàn bò và gà thả vườn...tiếp tục đầu tư mới được 87 hầm biogas, nâng tổng số toàn tỉnh có khoảng 7.100 hầm đảm bảo chăn nuôi được an toàn, giảm được ô nhiễm môi trường; Diện tích nuôi trồng thủy sản tương đối ổn định so với cùng kỳ, trong đó diện tích nuôi cá nước ngọt và

tôm càng xanh tăng hơn so với cùng kỳ lần lượt là 67 ha và 110 ha, diện tích nuôi tôm sú chuyển sang nuôi theo hình thức thâm canh là 205 ha dẫn đến sản lượng thủy sản nuôi tăng hơn cùng kỳ khoảng 2.290 tấn.

#### **4. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành**

##### **a) Công tác quy hoạch:**

- Công bố rộng rãi 03 quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt, gồm: Quy hoạch ngành nông nghiệp, quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung và quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Phối hợp với đơn vị tư vấn triển khai thu thập thông tin lập Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch vùng nguyên liệu mía và Quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi các khu vực chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn thầu dự án Rà soát, bổ sung Quy hoạch thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 và đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí dự án Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cấp nước sinh hoạt và VSMTNT trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

##### **b) Tham mưu xử lý, ban hành văn bản:**

- Xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 03/11/2016 của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND ban hành một số chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp;

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu và giao nhiệm vụ trong chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2017.

- Tham mưu kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Ban Chỉ đạo thực hiện Kế hoạch bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Trà Vinh; kiện toàn và xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học công nghệ và Hội đồng xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở.

- Xây dựng kế hoạch công tác kiểm tra công trình phục vụ công tác phòng chống thiên tai năm 2017; xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch giao chỉ tiêu thu quỹ phòng chống thiên tai năm 2017 trên địa bàn tỉnh, Phương án ứng phó sự cố thiên tai năm 2017 và Phương án ứng phó bão mạnh, siêu bão trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Tổng hợp, thẩm định và phân bổ dự toán năm 2017 cho các đơn vị trực thuộc Sở; thẩm định trình phê duyệt hỗ trợ chăn nuôi nông hộ trên địa bàn huyện Tiểu Cần và Trà Cú năm 2017.

**d) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:**

- Kết hợp địa phương tổ chức thực hiện được 12 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 7.150 m, khối lượng 15.850 m<sup>3</sup>.

- Nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng 06 công trình thủy lợi; thu thập số liệu hiện trạng công trình thủy lợi phục vụ cho công tác lập bản đồ bố trí công trình thủy lợi xây dựng nông thôn mới các xã: Long Vĩnh (huyện Duyên Hải) và Định An (huyện Trà Cú).

- Trong tháng tổ chức 12 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 04 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, nâng đến nay tổ chức 39 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 12 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định và buộc khôi phục lại hiện trạng.

- Tiếp tục theo dõi kiểm tra, đôn đốc tiến độ thi công các công trình: Duy tu, sửa chữa tuyến đê biển đoạn Tổng Long – Bắc Trang; công trình sửa chữa đảm bảo giao thông đê Hải Thành Hòa, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải; công trình sửa chữa 05 cầu giao thông trên tuyến đê Tả - Hữu Sông Cổ Chiên; công trình xử lý sạt lở chân kè bảo vệ đê Tả - Hữu sông Cổ Chiên và sụp lún Kè bảo vệ bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải.

**e) Công tác xây dựng cơ bản:** Tiếp tục theo dõi tình hình thực hiện của 21 dự án (04 dự án khởi công mới, 17 dự án chuyển tiếp), gồm: 08 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 08 công trình đê, kè; 05 công trình dân dụng.

**f) Công tác đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:**

- Hướng dẫn HTX nông nghiệp Thành Công (xã Ngọc Biên) hoàn thành các tiêu chí của HTX kiểu mới và chủ trương xin lập Phương án xây dựng Cánh đồng lớn sản xuất ớt.

- Phối hợp với các Sở, ngành tiến hành khảo sát tình hình hoạt động của các HTX sau chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012 trên địa bàn tỉnh; hoàn thành gửi đăng ký danh sách các HTX xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn VietGAP gửi Sở Khoa học Công nghệ và Sở Công thương.

**g) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và quản lý tàu cá:**

- Kiểm tra, đánh giá, phân loại 16 cơ sở sản xuất kinh doanh nông, thủy sản; cấp 06 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP, 13 giấy xác nhận kiến thức ATTP; tổ chức thu 51 mẫu (25 mẫu nông sản, 26 mẫu thủy sản) để phân tích, kiểm nghiệm dư lượng chất độc hại trong sản phẩm. Nâng tổng số đến nay kiểm tra, đánh giá, phân loại 53 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản, kết quả: 40 cơ sở loại A, 13 cơ sở loại B; cấp 25 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP, 35 giấy xác nhận kiến thức ATTP; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 96 mẫu (47 mẫu nông sản, 49 mẫu thủy sản).

- Quản lý tàu cá, cảng cá:

+ Trong tháng đã kiểm tra an toàn kỹ thuật 47 tàu cá (03 tàu cá ngoài tỉnh), cấp văn bản đóng mới, cải hoán 12 tàu, đăng ký 01 tàu, xóa bộ 02 tàu, cấp 19 số danh bạ (85 thuyền viên), cấp 98 giấy phép khai thác thủy sản, 10 giấy chứng nhận an toàn thực phẩm. Nâng tổng số đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật được 102 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 23 tàu, đăng ký 36 tàu, xóa bộ 03 tàu, cấp 40 số danh bạ (176 thuyền viên), cấp 58 giấy phép khai thác thủy sản; toàn tỉnh hiện có 1.214 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 110.473 CV (248 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

+ Tổ chức thu phí 689 tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.629 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 104 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay thu phí 1.713 tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 3.255 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 234,8 triệu đồng.

- Thanh tra kiểm tra: Đoàn thanh tra chuyên ngành tổ chức 04 cuộc thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm, bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, kiểm soát giết mổ đối với 202 cá nhân, tổ chức; phát hiện 64 trường hợp vi phạm, ban hành 11 quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

#### ***h) Công tác phát triển khoa học công nghệ, khuyến nông và công tác giống:***

- Trong tháng đã tổ chức 40 lớp tập huấn kỹ thuật trồng ớt, trồng dưa hấu; biện pháp phòng chống dịch bệnh lở mồm long móng trên bò; kỹ thuật nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh, những lưu ý trong nuôi tôm nước lợ đầu vụ cho 1.149 lượt người tham dự tại huyện Trà Cú, Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức được 56 lớp tập huấn cho 1.602 lượt người tham dự (trồng trọt 9 lớp 296 lượt người, chăn nuôi 6 lớp 180 lượt người, thủy sản 41 lớp 1.153 lượt người).

- Phân công 13 viên chức trực tiếp tư vấn hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm nước lợ trên địa bàn các huyện ven biển tỉnh Trà Vinh, kết quả đã tư vấn được 250 lượt hộ về quy trình cải tạo ao, chọn con giống, kỹ thuật nuôi, phòng ngừa dịch bệnh và những lưu ý trong nuôi tôm nước lợ đầu vụ.

- Kết hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 01 bản tin thời sự về mô hình canh tác lúa thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu vụ Đông - Xuân năm 2017; 01 cuộc tọa đàm “những lưu ý trong nuôi tôm nước lợ đầu vụ”. Kết hợp với công ty Cổ phần phân bón Bình Điền, Ban quản lý Dự án AMD tổ chức 02 cuộc hội thảo đánh giá mô hình trồng cây gấc tại xã Phương Thạnh, huyện Càng Long, mô hình canh tác lúa thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Công tác giống:

+ Công tác khảo nghiệm: Vụ Đông Xuân khảo nghiệm 03 bộ giống lúa: Bộ phẩm chất (OM18, OM 384), bộ triển vọng (OM 10373, OM 10258, OM 342) và bộ Trà Vinh (TV2, TV3, TV6) với diện tích 0,2 ha. Kết quả đã chọn ra được các giống có năng suất và ít nhiễm sâu bệnh.

+ Giống cây trồng: Nhân giống lúa OM 5451 vụ Đông Xuân, diện tích 10,8 ha, đã thu hoạch xong với tổng sản lượng 39,24 tấn, năng suất 3,6 tấn/ha; nhân



giống 02 mô hình gà sinh sản thả vườn 1.000 con; cung ứng 3,6 tấn lúa giống và 2.609 cây giống các loại.

+ Giống thủy sản: Nuôi vỗ và lưu giữ đàn cá tra, cá lóc bố mẹ đã qua chọn lọc từ Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản II chuẩn bị tiếp nhận công nghệ sản xuất giống cá lóc; chăm sóc 04 bể ấu trùng tôm sú, 03 bể ấu trùng tôm thẻ chân trắng và chăm sóc 2,68 triệu ấu trùng tôm càng xanh; xuất bán được 1,55 triệu con tôm sú giống, 04 triệu con cá lóc giống.

#### ***k) Tình hình triển khai thực hiện các chính sách trong lĩnh vực ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn***

- Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ: Các tổ chức tín dụng cho trên 200 ngàn hộ vay sản xuất nông nghiệp, với dư nợ khoảng 8.254 tỷ đồng, chiếm khoảng 60% tổng dư nợ chung.

- Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ: Đến nay các tổ chức tín dụng đã giải ngân vay đóng mới 11/11 tàu cá được UBND tỉnh phê duyệt, với tổng dư nợ 119,19 tỷ đồng, đạt 82,43% số tiền cam kết.

- Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định 68/2013/QĐ-TTg: Đến nay, các tổ chức tín dụng đã cho gần 350 khách hàng vay, với tổng dư nợ 117 tỷ đồng, đã hỗ trợ lãi suất 1,28 tỷ đồng để mua sắm các máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, thu hoạch và sau thu hoạch trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản.

- Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg: Công ty Lương thực Trà Vinh triển khai thực hiện phương án cánh đồng lớn sản xuất lúa vụ Đông xuân 2016-2017 được 899 ha trên địa bàn 5 xã của 02 huyện Tiểu Cần và Cầu Kè hiện đang tiến hành thu mua diện tích lúa đang thu hoạch; HTX nông nghiệp Thành Công đang hoàn chỉnh chủ trương và phương án sản xuất cánh đồng sản xuất ớt làm cơ sở trình thẩm định và phê duyệt.

- Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg: Đã phối hợp với Sở Tài chính tham mưu trình UBND tỉnh phân bổ vốn về cho các địa phương triển khai thực hiện (được cấp hỗ trợ 25,2 tỷ đồng, đến nay đã giải ngân 22,68 tỷ đồng); hỗ trợ xây dựng 4.323 công trình khí sinh học; đào tạo 24 kỹ thuật viên gieo tinh nhân tạo và mua 48 bình nitơ, mua 31 bò đực giống, 04 heo đực giống; gieo tinh nhân tạo 971 liềm tinh bò. Ngành đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện năm 2017 trình Bộ Tài chính phân bổ vốn; các huyện, thị xã, thành phố hiện đang rà soát lại danh sách hỗ trợ, khi được trung ương phân bổ vốn sẽ triển khai thực hiện.

- Chính sách hỗ trợ chuyển từ trồng lúa sang trồng bắp tại Quyết định 915/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Đến nay, có 102,5 ha đất trồng lúa chuyển sang trồng bắp tập trung chủ yếu ở các huyện Cầu Kè (26,5 ha), Cầu Ngang (51 ha), Duyên Hải (25 ha).

- Chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản theo Quyết định số 01/2012/QĐ-

TTg: Đã tổ chức hội nghị triển khai đến các Sở, ban ngành và địa phương nông dân trên địa bàn tỉnh. Hiện đang phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang thẩm định và hoàn chỉnh dự án 01 hồ sơ đăng ký áp dụng VietGAP (nuôi tôm sú và tôm thẻ chân trắng).

- Chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND: Đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện, các địa phương đang lập kế hoạch triển khai năm 2017 làm cơ sở để trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở tổ chức thực hiện.

#### **4. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

- Tình hình triển khai thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp chậm do công tác tuyên truyền phát động thực hiện chưa tốt, chưa sâu rộng; một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến việc triển khai thực hiện các chính sách đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nên hiệu quả của một số chính sách thực hiện chưa cao; chậm đổi mới trong việc tổ chức lại sản xuất; chưa làm tốt công tác xúc tiến thương mại, thông tin, giá cả, thị trường,...

- Việc quản lý lịch thời vụ của các địa phương chưa chặt chẽ tiến độ xuống giống lúa vụ Đông Xuân chậm và kéo dài hơn so với cùng kỳ gần 15.500 ha có khả năng sẽ thiếu nước ở giai đoạn đồng trổ dẫn đến năng suất giảm; tình hình xuống giống Xuân Hè không theo lịch thời vụ khuyến cáo khoảng 4.394 ha chủ yếu ở huyện Càng Long có khả năng thiếu nước đầu vụ.

- Việc chuyển đổi diện tích sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác có hiệu quả cao hơn còn ít, chưa đạt so kế hoạch đề ra, do đầu ra của các sản phẩm thực hiện chuyển đổi còn nhiều bấp bênh, nhất là khi diện tích chuyển đổi nhiều, sản lượng tăng cao người sản xuất rất khó bán sản phẩm hoặc bán với giá rất thấp nên lợi nhuận không cao nên chưa khuyến khích người dân mạnh dạn chuyển đổi, cụ thể là diện tích dưa hấu vụ Xuân do sản xuất tự phát theo phong trào, cung vượt cầu nên giá bán rất thấp, người sản xuất bị thua lỗ.

- Bệnh LMLM trên gia súc phát sinh, bệnh hoại tử gan tụy và bệnh đốm trắng xảy ra rải rác, cục bộ ở một số địa phương làm ảnh hưởng đến tình hình phát triển nuôi tôm nước lợ của tỉnh. Nguyên nhân do công tác phòng, chống dịch bệnh trên vật nuôi chưa được quan tâm đúng mức, hộ nuôi chưa có ý thức cao trong công tác phòng chống dịch bệnh trước điều kiện thời tiết biến động bất thường như hiện nay.

- Tình trạng vi phạm về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm hàng hóa vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm còn cao; công tác kiểm soát, quản lý chất lượng giống còn nhiều hạn chế, tình trạng tôm giống thả nuôi không qua kiểm dịch vẫn còn xảy ra, do công tác quản lý nhà nước về giống và vật tư đầu vào còn mặt nào hạn chế, sự phối hợp giữa các ngành và chính quyền địa phương còn thiếu chặt chẽ và chưa đồng bộ; việc tuyên truyền, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi và vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập.

## **Phần thứ II**

### **NHIỆM VỤ CÔNG TÁC THÁNG 4, QUÝ II**

Tập trung triển khai thực hiện toàn diện, hiệu quả Báo cáo số 266/BC-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác chỉ đạo, điều hành năm 2016 và Chương trình công tác năm 2017 và Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các nhóm giải pháp chủ yếu và giao nhiệm vụ trong chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2017.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên các lĩnh vực gắn với xây dựng nông thôn mới.

#### **I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

- Phần đầu giá trị sản xuất đạt thêm 6.531 tỷ đồng (giá so sánh 2010), trong đó: Nông nghiệp 4.208 tỷ đồng (trồng trọt 2.993 tỷ đồng, chăn nuôi 808 tỷ đồng, dịch vụ 407 tỷ đồng); lâm nghiệp 70 tỷ đồng; thủy sản 2.253 tỷ đồng (khai thác hải sản 163 tỷ đồng, khai thác nội đồng 105 tỷ đồng, nuôi trồng thủy sản 1.972 tỷ đồng, dịch vụ 12 tỷ đồng). Lũy kế 6 tháng đầu năm 13.804 tỷ đồng, đạt 55,4% kế hoạch.

- Sản lượng cây trồng chủ yếu: Lúa 250.000 tấn; màu lương thực 34.000 tấn; màu thực phẩm 220.000 tấn; mía 210.000 tấn; đậu phộng 11.500 tấn; dưa 83.000 tấn; cây ăn trái 65.000 tấn.

- Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu: Ổn định tổng đàn bò 200.000 con; đàn heo tăng thêm 40.000 con và đàn gia cầm tăng thêm khoảng 01 triệu con.

- Sản lượng thủy sản: 54.000 tấn (16.500 tấn tôm), trong đó: Nuôi trồng 34.500 tấn; khai thác 19.500 tấn.

#### **II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUÍ II**

##### **1. Chỉ đạo sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn**

###### **a) Trồng trọt**

- Cây lúa: Tiếp tục theo dõi, cập nhật tình hình thu hoạch lúa vụ Đông Xuân; hoàn thành thông báo lịch thời vụ sản xuất lúa vụ Hè Thu 2017 để tập trung chỉ đạo xuống giống, theo dõi, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh lúa có hiệu quả.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Tập trung hướng dẫn nông dân theo dõi, chăm sóc, thu hoạch màu Đông Xuân. Tiếp tục khuyến khích nông dân chuyển đổi từ sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng màu ở những nơi có điều kiện, tập trung phát triển một số cây chủ lực và có thị trường tiêu thụ như: bắp, đậu phộng, dưa hấu, bí đỏ, ớt, các loại rau màu thực phẩm...

- Cây ăn trái: Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi và triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống tình hình sâu bệnh trên cây ăn trái, cụ thể là bệnh đốm nâu trên cây thanh long, bệnh chổi rồng trên nhãn, bọ cánh cứng và bọ vòi voi trên cây dưa; thống kê lại diện tích các loại cây ăn trái bị thất mùa do mưa trái vụ và sâu bệnh gây ra.

- Tăng cường công tác dự tính, dự báo, xây dựng một số mô hình quản lý dịch hại tổng hợp kết hợp với tập huấn khuyến cáo người dân chủ động phòng trừ dịch bệnh trên các loại cây trồng chính.

- Nhanh chóng hoàn chỉnh Đề án đầu tư phát triển cây dứa trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

#### ***b) Chăn nuôi***

- Tập trung giám sát tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục vận động người chăn nuôi tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm; thực hiện có hiệu quả Kế hoạch “Tháng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường chăn nuôi” đợt 1 năm 2017 và xây dựng bản đồ dịch tễ để phục vụ cho công tác chỉ đạo phòng chống dịch bệnh chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

- Huy động lực lượng chuyên môn phối hợp chính quyền địa phương thống kê tổng đàn gia cầm quy mô lớn và vận động hộ chăn nuôi gia cầm từ 100 con trở lên và bò từ 5 con, heo từ 10 con trở lên ký cam kết thực hiện những quy định trong công tác phòng, chống dịch bệnh.

- Thực hiện bình tuyển, phân loại, đánh giá và bám tai theo dõi đàn heo và bò đực giống; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các Dự án trong Chương trình Heifer và Đề tài gà Đông Tảo trên địa bàn tỉnh.

- Nhanh chóng hoàn chỉnh Đề án đầu tư phát triển con bò trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

#### ***c) Thủy sản***

- Tăng cường theo dõi chặt diễn biến và xác định cụ thể nguyên nhân gây bệnh trên tôm nuôi nước lợ để có biện pháp phòng, chống kịp thời hạn chế lây lan ra diện rộng.

- Đẩy mạnh công tác tập huấn quy trình nuôi tôm VietGAP và các quy định pháp luật trong lĩnh vực thủy sản; tăng cường cán bộ kỹ thuật bám sát địa bàn các xã nuôi thủy sản nhằm hướng dẫn nông dân thả giống theo lịch thời vụ, thực hiện tốt công tác quan trắc, cảnh báo môi trường để có những khuyến cáo kịp thời cho người nuôi thủy sản.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thực hiện tốt công tác đăng ký, đăng kiểm tàu cá và cấp, gia hạn giấy phép khai thác và quản lý tàu cá, quản lý khai thác thủy sản, quản lý nguồn lợi và môi trường thủy sản theo quy định.

- Nhanh chóng hoàn chỉnh Đề án đầu tư phát triển tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

#### ***d) Lâm nghiệp***

- Đẩy mạnh công tác tổ chức tuyên truyền các văn bản liên quan đến lĩnh vực quản lý bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản và phòng cháy chữa cháy rừng đến người dân.

- Tăng cường công tác tuần tra quản lý bảo vệ rừng, tuần tra kiểm soát lâm sản và quản lý động vật hoang dã, kịp thời ngăn chặn các trường hợp vi phạm.

- Hoàn thành công tác vệ sinh và tổ chức nghiệm thu phức tra chi trả tiền vệ sinh phòng cháy chữa cháy rừng theo đúng quy định.

- Tiếp tục chăm sóc cây giống đảm bảo chất lượng và tiêu chuẩn để triển khai trồng rừng phòng hộ thuộc Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ giai đoạn 2015-2020 và 02 phương án trồng rừng thay thế đã được UBND tỉnh phê duyệt. Đồng thời, triển khai công tác thiết kế trồng rừng, chuẩn bị mặt bằng, xây dựng dự toán thi công công trình trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng năm 2017.

- Nhanh chóng xây dựng lại định mức kinh tế - kỹ thuật gieo ươm, trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng ngập mặn của tỉnh.

#### ***d) Phát triển nông thôn***

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Thành lập lại Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp tỉnh.

+ Tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện các Chương trình MTQG năm 2017; Kế hoạch thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020; xây dựng bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã văn hóa; phường, thị trấn văn hóa – văn minh đô thị giai đoạn 2016 - 2020; ban hành mẫu hướng dẫn báo cáo kết quả thực hiện chương trình MTQG XD NTM năm 2017.

+ Tham mưu trong việc phối hợp với các Sở, ngành và địa phương tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao hơn nữa nhận thức của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn các xã, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực theo hướng chung sức xây dựng nông thôn mới, phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

+ Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giữ vững, nâng chất các tiêu chí nông thôn mới của 23 xã được công nhận đảm bảo đạt theo chuẩn mới và hướng dẫn thực hiện các tiêu chí nông thôn mới đối với các xã còn lại, đặc biệt là 07 xã đăng ký đạt chuẩn năm 2017.

+ Tham mưu hoàn chỉnh Đề án phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm chủ lực.

- Chương trình bố trí dân cư:

+ Tiếp tục triển khai thực hiện 03 dự án, gồm: Dự án kè chống sạt lở bảo vệ khu vực thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần; Dự án Di dân sạt lở áp Cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành; Dự án Di dân sạt lở xã Đại Phước, huyện Càng Long giai đoạn 2;

+ Phối hợp với UBND xã Trờng Long Hòa và UBND thị xã Duyên Hải tổ chức họp dân tuyên truyền, vận động và lập thủ tục di dời 03 hộ dân bị sạt lở khu vực Ấp Cồn Trúng vào vùng dự án.

- Ngành nghề nông thôn:

+ Tăng cường công tác quản lý, theo dõi tình hình hoạt động của ngành nghề nông thôn; nhanh chóng hoàn chỉnh đề án phát triển ngành nghề nông thôn; tổng hợp báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết 22-NQ/TU ngày 19/06/2015 của Tỉnh ủy về phát triển ngành nghề nông thôn; xây dựng Nghị quyết lãnh đạo phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm chủ lực

- Đôn đốc 02 làng nghề sản xuất cơm dẹp ấp Ba So, xã Nhị Trường, huyện Cầu Ngang; làng nghề bó chổi xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ để trình UBND tỉnh công nhận.

- Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch nông thôn cho khoảng 1.000 hộ; triển khai Kế hoạch đấu thầu dự án Mở rộng tuyến ống cấp nước Trạm cấp nước xã Nhị Long, huyện Càng Long và Dự án nâng cấp Nhà máy nước sạch xã Đại Phước; lập Kế hoạch thực hiện dự án sự nghiệp năm 2017. Đồng thời, kết hợp với Ban Dân tộc và các địa phương triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo.

## **2. Công tác chuyên môn:**

### **a) Công tác quy hoạch:**

- Phối hợp với đơn vị tư vấn tổng hợp lập Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch vùng nguyên liệu mía và Quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi các khu vực chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn lập báo cáo Rà soát, bổ sung Quy hoạch thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 và Quy hoạch cấp nước sinh hoạt và VSMTNT trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

b) Đẩy mạnh việc phối kết hợp với các Sở, ban ngành và UBND cấp huyện triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương và của tỉnh đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, cụ thể: Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg; chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg; Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg; chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo Nghị định 02/2017/NĐ-CP; chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND...

c) Theo dõi nắm sát tình diễn biến thời tiết, khí tượng thủy văn, nguồn nước, xâm nhập mặn, đồng thời tăng cường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thủy lợi nội đồng của các địa phương và hoàn thành công trình duy tu, bảo dưỡng đề điều năm 2017 nhằm đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Đổi mới và phát triển các hình thức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp, nông thôn

- Tiếp tục tổ chức các tập huấn củng cố, phát triển mới HTX và tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp; tiếp tục hỗ trợ các HTX, tổ hợp tác trong việc tiêu thụ nông sản.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí năm 2017 trình trung ương bố trí vốn thực hiện đề triển khai thực hiện Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 02/3/2017 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng ĐBSCL giai đoạn 2016 – 2020”

- Tiếp tục hỗ trợ HTX NN Thành Công hoàn chỉnh đề nghị xin chủ trương và Phương án xây dựng cánh đồng lớn sản xuất ớt làm cơ sở thẩm định và trình phê duyệt.

- Phối hợp với các Sở, ngành tiến hành rà soát tình hình hoạt động của các HTX NN sau khi chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012.

- Tổ chức hội nghị sơ kết 01 năm xây dựng HTX kiểu mới nông nghiệp Thành Công, xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú làm cơ sở nhân rộng.

đ) **Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và chuyển giao khoa học kỹ thuật**

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt 02 đề tài “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất và ương nghêu giống trên ao đất lót bạt giai đoạn 2” và “Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi thích nghi giống gà Đông Tảo tại tỉnh Trà Vinh”.

- Nhanh chóng hoàn chỉnh 02 đề án (Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và đề án phát triển giống cây trồng, vật nuôi) và 03 chương trình (Chương trình công nhận giống lúa mới; Chương trình tuyển chọn giống cây đầu giống và Chương trình khuyến nông trọng điểm trên địa bàn tỉnh).

- Tổ chức xây dựng có hiệu quả các mô hình thuộc nguồn vốn sự nghiệp ngân sách địa phương và vốn khuyến nông trung ương hỗ trợ năm 2017; đồng thời tăng cường tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản 150 lớp cho 5.000 lượt người tham dự, tư vấn trực tiếp cho 5.000 lượt hộ.

e) Tập trung triển khai, kiểm tra, giám sát thi công các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất, ngăn ngừa, giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu thuộc nguồn vốn phân bổ 2017 và vốn kết dư từ 2016 chuyển sang. Đồng thời, triển khai thực hiện nhanh các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí năm 2017.

f) Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

g) Tăng cường các hoạt động quản lý Nhà nước chuyên ngành: Quản lý chất lượng cây, con giống, vật tư phục vụ sản xuất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm.

h) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc khẩn trương triển khai thực hiện các dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp và các chương trình được phân bổ vốn năm 2017.

### **3. Một số nhiệm vụ trọng tâm tháng 4.**

#### **a) Trồng trọt**

- Cây lúa: Tập trung chỉ đạo sản xuất lúa Hè Thu theo Thông báo số 95/TB-SNN ngày 20/3/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT. Đợt 1 xuống giống từ ngày



15-25/4/2017 diện tích 20.000 ha ở những vùng sản xuất 3 vụ lúa, gồm các huyện: Càng Long, Châu Thành, Cầu Kè và Tiểu Cần.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Chỉ đạo hướng dẫn nông dân xuống giống cây màu vụ Xuân Hè ở những vùng có điều kiện.

**b) Chăn nuôi:** Tập trung tháng tiêu độc khử trùng và vận động hộ dân tự tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm; giám sát khu vực bệnh LMLM không để dịch bệnh phát sinh; thực hiện bình tuyến, phân loại, đánh giá và bấm tai theo dõi đàn heo và bò đực giống; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các Dự án trong Chương trình Heifer và Đề tài gà Đông Tảo trên địa bàn tỉnh.

**c) Thủy sản:** Khuyến cáo người nuôi tôm thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, môi trường, dịch bệnh, độ mặn thích hợp thì thả nuôi theo hình thức thâm canh và bán thâm canh; xây dựng và trình phê duyệt Đề án đầu tư phát triển tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, tăng cường cán bộ chuyên môn của đơn vị xuống địa bàn các xã để tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho người dân nuôi trồng thủy sản ở các huyện ven biển. Chuẩn bị nội dung chương trình tổ chức Hội nghị nuôi tôm nước lợ tỉnh Trà Vinh.

**d) Lâm nghiệp:** Tổ chức tuyên truyền các văn bản liên quan đến lĩnh vực quản lý bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản và phòng cháy chữa cháy rừng đến người dân.

- Tăng cường công tác tuần tra quản lý bảo vệ rừng, tuần tra kiểm soát lâm sản, quản lý động vật hoang dã, kịp thời ngăn chặn các trường hợp vi phạm.

- Hoàn thành công tác vệ sinh và tổ chức nghiệm thu phức tra chi trả tiền vệ sinh phòng cháy chữa cháy rừng theo đúng quy định.

**đ) Phát triển nông thôn:** Tham mưu trong việc phối hợp với các Sở, ngành và địa phương tập trung hướng dẫn xây dựng huyện Tiểu Cần thành huyện nông thôn mới; thẩm định tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới của thị xã Duyên Hải.

Trên đây là báo cáo sơ kết công tác quý I, kế hoạch công tác quý II năm 2017 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các đơn vị, phòng, ban thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể cho đơn vị, địa phương mình tổ chức quán triệt trong nội bộ và tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện để đạt kết quả cao nhất.

**Nơi nhận:**

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KHTC.



*Nguyễn Ngọc Hải*



**THỐNG KÊ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN  
THÁNG 3 VÀ QUÝ I/2017**  
(Tính đến ngày 15/3/2017)



STT	Chi tiêu	ĐVT	Quý I/2016	KH vụ/năm 2017	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2017	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2		3	4=3/1	5=3/2
	<b>Giá trị sản xuất (Theo giá CĐ 2010)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>7.823,98</b>	<b>24.927</b>	<b>-</b>	<b>7.272,960</b>	<b>92,96%</b>	<b>29,18%</b>
<b>a</b>	<b>Giá trị SX nông nghiệp</b>	<b>"</b>	<b>6.751</b>	<b>17.367</b>	<b>-</b>	<b>6.095</b>	<b>90,28%</b>	<b>35,09%</b>
	- Trồng trọt	"	5.097	12.450		4.477	87,83%	35,96%
	- Chăn nuôi	"	871	3.300		974	111,76%	29,51%
	- Dịch vụ	"	782	1.617		644	82,38%	39,85%
<b>b</b>	<b>Giá trị lâm nghiệp</b>	<b>"</b>	<b>62</b>	<b>240</b>		<b>62</b>	<b>100,00%</b>	<b>26,02%</b>
<b>c</b>	<b>Giá trị sản xuất thủy sản</b>	<b>"</b>	<b>1.011</b>	<b>7.320</b>	<b>-</b>	<b>1.116</b>	<b>110,37%</b>	<b>15,24%</b>
	- Khai thác hải sản	"	369	980		327	88,67%	33,37%
	- Khai thác nội đồng	"	122	460		124	101,73%	26,99%
	- Nuôi trồng thủy sản	"	510	5.850		660	129,46%	11,29%
	- Dịch vụ thủy sản	"	10	30		4	42,88%	14,36%
<b>A</b>	<b>SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP</b>							
<b>I.</b>	<b>TRỒNG TRỌT</b>							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	178.523	252.500	7.213	147.188	82,45%	58,29%
<b>1.1.</b>	<b>Cây lương thực có hạt</b>	Ha	158.475	203.300	1.966	127.305	80,33%	62,62%
	Cây lúa	Ha	156.529	197.000	1.506	125.475	80,16%	63,69%
	<b>Vụ Thu Đông-mùa</b>							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	87.739,94	64.000		64.053,71	73,00%	100,08%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	87.310,15	64.000	2.989,6	64.048,41	73,36%	100,08%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	52,93	55,00	32,15	47,1	89,00%	85,64%
	- Sản lượng	tấn	462.101	352.000	9.611,4	301.695	65,29%	85,71%
	<b>Vụ Đông - Xuân</b>							
	- DT gieo sạ	ha	68.789	55.000	-	59.915,46	87,10%	108,94%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	20.605	55.000	20.481	28.660,3	139,10%	52,11%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	62,47	68,00	54,24	53,11	85,01%	78,10%
	- Sản lượng	tấn	128.722	374.000	111.094,4	152.211	118,25%	40,70%
	<b>Vụ Hè Thu</b>							
	- Diện tích	Ha		78.000	1.506	1.506		1,93%
	- Năng suất	Tạ/ha		53,91				
	- Sản lượng	tấn		420.500				
	<b>Cây màu</b>	Ha	<b>21.995</b>	<b>55.500,00</b>	<b>5.707</b>	<b>21.712</b>	<b>98,72%</b>	<b>39,12%</b>
	<b>Cây bắp</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1.947	6.300	460	1.830,25	94,02%	29,05%
	- Diện tích thu hoạch	"	750	6.300	629	694,0	92,50%	11,02%
	- Năng suất	Tạ/ha	55,20	54,44	56	55,5	100,54%	101,95%
	- Sản lượng	Tấn	4.142	34.300	3.500	3.852,0	93,00%	11,23%
<b>1.2.</b>	<b>Cây có củ</b>	Ha	<b>908</b>	<b>2.850</b>	<b>394</b>	<b>921,39</b>	<b>101,45%</b>	<b>32,33%</b>
	<b>Khoai lang</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	480,9	1.200	274	484,87	100,83%	40,41%
	+ Diện tích thu hoạch	"	103,0	1.200	98	106	102,91%	8,83%
	+ Năng suất	Tạ/ha	113,69	160,00	112	115,6	101,65%	72,23%



STT	Chi tiêu	ĐVT	Quý I/2016	KH vụ/năm 2017	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2017	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Sản lượng	Tấn	1.171	19.200	1.097	1.225,0	104,61%	6,38%
	<b>Sắn</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	271,19	1.000	76	273,74	100,94%	27,37%
	+ Diện tích thu hoạch	"	52,00	1.000	50,0	54,0	103,85%	5,40%
	+ Năng suất	Tạ/ha	114,50	160,00	112,6	115,4	100,76%	72,11%
	+ Sản lượng	Tấn	595,40	16.000	563,0	623,0	104,64%	3,89%
	<b>Cây có củ khác</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	156,14	650	44	162,78	104,25%	25,04%
	+ Diện tích thu hoạch	"	54,40	650	58,4	58,4	107,35%	8,98%
<b>1.3.</b>	<b>Cây thực phẩm</b>	Ha	<b>11.199</b>	<b>30.000</b>	<b>2.416</b>	<b>11.945,19</b>	<b>106,66%</b>	<b>39,82%</b>
	<b>Rau các loại</b>							
	+ DT gieo trồng	Ha	10.870,89	29.200	2.279	11.683,60	107,48%	40,01%
	+ Diện tích thu hoạch	"	8.843,56	29.200	6.893	7.803,56	88,24%	26,72%
	+ Năng suất	Tạ/ha	221,8	235,85	204,78	225,7	101,77%	95,71%
	+ Sản lượng	Tấn	196.152	688.680	141.146	176.152	89,80%	25,58%
	<b>Đậu các loại</b>							
	+ DT gieo trồng	Ha	328,41	800	137	261,59	79,65%	32,70%
	+ Diện tích thu hoạch	"	73,00	800	64	64	87,67%	8,00%
	+ Năng suất	Tạ/ha	10,1	16,50	10,6	10,6	104,96%	64,39%
	+ Sản lượng	Tấn	74	1.320	68	68	92,02%	5,15%
<b>1.4</b>	<b>Cây công nghiệp hàng năm</b>		<b>7.941</b>	<b>13.000</b>	<b>2.094</b>	<b>6.083</b>	<b>76,60%</b>	<b>46,79%</b>
	<b>Đậu phộng</b>	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.993,40	5.000	792	3.058,45	102,17%	61,17%
	+ Diện tích thu hoạch	"	864,65	5.000	833	924,50	106,92%	18,49%
	+ Năng suất	Tạ/ha	47,60	52,30	45,79	46,64	97,98%	89,18%
	+ Sản lượng	Tấn	4.116	26.150	3.814	4.312	104,76%	16,49%
	<b>Mía</b>							
	+ Diện tích trồng	Ha	3.963,29	5.500	1.065	2.061,84	52,02%	37,49%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.436,46	5.500	1.636	1.636	67,17%	29,75%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.095,60	1.091	1.087	1.087	99,25%	99,67%
	+ Sản lượng	Tấn	266.939	600.000	177.939	177.939	66,66%	29,66%
	<b>Cây lác (cói)</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	983,90	2.500	237	962,21	97,80%	38,49%
	+ Diện tích thu hoạch	"	79	2.500	78	77,80	98,13%	3,11%
	+ Năng suất	Tạ/ha	94,0	100,00	95,8	95,8	101,90%	95,76%
	+ Sản lượng	Tấn	745	25.000	745	745	100,00%	2,98%
<b>1.5</b>	<b>Cây trồng khác</b>	"						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	738,28	3.350	342,2	933,02	126,38%	27,85%
	+ Diện tích thu hoạch	"	186,00	3.350	216,0	216,00	116,13%	6,45%
<b>2</b>	<b>Cây lâu năm</b>							
<b>3</b>	<b>Cây ăn quả</b>							
<b>II</b>	<b>CHĂN NUÔI</b>							
	- Tổng đàn trâu	con	970	790		800	82,47%	101,27%
	- Tổng đàn bò	con	177.425	210.000		200.000	112,72%	95,24%
	- Tổng đàn lợn	con	328.041	395.000		330.000	100,60%	83,54%
	- Tổng đàn gia cầm	ngàn con	4.322	4.500		4.360	100,87%	96,89%
<b>B</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>							
<b>1.</b>	<b>Lâm sinh</b>							





STT	Chi tiêu	ĐVT	Quý I/2016	KH vụ/năm 2017	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2017	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
1.1.	DT rừng trồng tập trung	Ha		350				
	<i>Trong đó:</i>							
	- Rừng phòng hộ							
	- Rừng đặc dụng							
	- Rừng sản xuất							
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
1.2.	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha		500				
1.3.	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha						
1.4.	DT giao khoán bảo vệ	Ha		5.354				
1.5.	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây		50				
2.	<b>Khai thác</b>							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m <sup>3</sup>						
	<i>Trong đó:</i> Gỗ rừng trồng	"						
<b>C</b>	<b>DIÊM NGHIỆP</b>							
<b>D</b>	<b>THỦY SẢN</b>							
1.	<b>Tổng diện tích nuôi</b>	Ha	<b>25.118</b>	<b>43.000</b>	<b>7.479,18</b>	<b>24.984,72</b>	<b>99,47%</b>	<b>58,10%</b>
1.1.	<b>Nuôi nước ngọt</b>	"	<b>288,8</b>	<b>3.500</b>	<b>102,17</b>	<b>466,17</b>	<b>161,42%</b>	<b>13,32%</b>
	- Diện tích nuôi cá	"	229,60	2.500	102,17	296,87	129,30%	11,87%
	<i>Trong đó:</i> + Cá tra, cá ba sa	"	0,10	70	1,05	1,05	1050,00%	1,50%
	<i>Cá lóc</i>	"	55,50	300	30,52	96,92	174,63%	32,31%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	59,20	1.500	-	169,30	285,98%	11,29%
	<i>Trong đó:</i> tôm càng xanh	"	59,20	1.500	-	169,30	285,98%	11,29%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	Ha	<b>24.829</b>	<b>39.500</b>	<b>7.377,01</b>	<b>24.518,6</b>	<b>98,75%</b>	<b>62,07%</b>
	- Diện tích nuôi cá	"						
	<i>Trong đó:</i> + cá giò, cá song	"						
	+ ...	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	24.829	38.500	7.377	24.434	98,41%	63,46%
	<i>Trong đó:</i> + Tôm sú	"	13.253	18.000	3.886	13.014	98,20%	72,30%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	1.302	6.000	543	1.508	115,80%	25,14%
	+ Cua biển	"	10.274	14.500	2.948	9.911	96,47%	68,35%
	- Diện tích nuôi khác (ngheo, sò huyết, cá nước lợ)	"	-	1.000	-	85	#DIV/0!	8,50%
2.	<b>Thể tích nuôi lồng, bè</b>	m <sup>3</sup>						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
3.	<b>Sản lượng con giống sản xuất</b>	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
4	<b>Tổng sản lượng thủy sản</b>	Tấn	<b>27.320</b>	<b>169.700</b>	<b>10.426</b>	<b>30.095,55</b>	<b>110,16%</b>	<b>17,73%</b>
4.1	<b>Tổng sản lượng nuôi</b>	Tấn	<b>11.769</b>	<b>101.300</b>	<b>5.860</b>	<b>14.059</b>	<b>119,46%</b>	<b>13,88%</b>
4.1.1	<b>Nuôi nước ngọt</b>	Tấn	<b>9.782</b>	<b>53.900</b>	<b>4.429</b>	<b>10.081</b>	<b>103,05%</b>	<b>18,70%</b>
	- Sản lượng cá	"	9.722	53.200	4.305	9.817	100,98%	18,45%
	<i>Trong đó:</i> cá tra, cá ba sa	"	831	10.000	1.748	1.125	135,32%	11,25%
	<i>Cá lóc</i>	"	5.844	26.500	1.709	5.222	89,37%	19,71%
	- Sản lượng giáp xác	"	60	700	123	264	437,15%	37,66%
	<i>Trong đó:</i> tôm càng xanh	"	60	700	123	264	437,15%	37,66%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Quý I/2016	KH vụ/năm 2017	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2017	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
4.1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	1.987	47.400	1.432	3.978	200,25%	8,39%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...							
	- Sản lượng tôm nuôi	"	1.932	44.700	1.342	3.567	184,67%	7,98%
	Trong đó: + Tôm sú	"	347	11.700	275	851	245,50%	7,27%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	1.102	25.000	695	2.134	193,70%	8,53%
	+ Nuôi cua biển	"	484	8.000	371	583	120,51%	7,29%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	55	2.700	90	411	750,17%	15,21%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	15.551	68.400	4.566	16.037	103,12%	23,45%
4.2.1.	Khai thác biển	Tấn	12.956	55.700	3.908	13.312	102,74%	23,90%
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	5.166	22.500	1.651	5.904	114,29%	26,24%
	Trong đó: - Loài ....	"						
	- ....	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	1.949	7.200	571	2.519	129,27%	34,99%
	Trong đó: - Tôm...	"						
	- ....	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài ....	"						
	- ....	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	5.841	26.000	1.686	4.888	83,68%	18,80%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	2.594	12.700	658	2.724,87	105,03%	21,46%
	Trong đó: - Cá các loại	"	1.168	5.700	361	1.410	120,70%	24,74%
	- Tôm các loại	"	1.019	4.000	187	612	60,00%	15,29%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	407	3.000	109	703	172,85%	23,44%